

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN D HUYỆN GL, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Ngọc

Các Hội thẩm nhân D

- 1) Bà Nguyễn Thị Dung
- 2) Bà Nguyễn Viết Tuấn

- **Thư ký ghi biên bản phiên Tòa:** Bà Hg Huyền Trang –Thư ký Tòa án nhân D huyện GL, Thành phố H.

- Đại diện viện kiểm sát nhân D huyện GL - Thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 05 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân D huyện GL, thành phố H đã xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 80/2024/HSST, ngày 23 tháng 04 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 04 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **NMH**, sinh năm 2004 tại YB; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKHKT: thôn PL, xã LG, huyện VY, tỉnh YB. Quốc tịch: Việt Nam; D tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông NĐT (đã chết) và bà ĐTT, sinh năm 1969; Gia đình có ba anh em, bị cáo là con thứ 3; Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Theo danh chỉ bản số 31 lập ngày 22/12/2023 tại Công an huyện GL và lý lịch bị can thể hiện bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/12/2023. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: **MNT**, sinh năm 1993 tại H; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKHKT: TDP YB, xã ĐX, huyện GL, thành phố H. Quốc tịch: Việt Nam; D tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông MNN, sinh năm 1968 và bà ĐTTH, sinh năm 1973; Gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ nhất; Có vợ là QTH, sinh năm 1997 và 01 con sinh năm 2023. Tiền án, tiền sự: Theo danh chỉ bản số 30 lập ngày 22/12/2023 tại Công an huyện GL và lý lịch bị can thể hiện bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/12/2023. (Có mặt tại phiên tòa).

*** Người bào chữa cho bị cáo NMH:** Bà Hồ Thúy Sen, trợ giúp viên pháp lý - T tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** Anh BVV, sinh năm 2003 (đã chết); Đại diện theo pháp luật của anh BVV là ông BVH, sinh năm 1977 (là bố đẻ của anh V) và bà Trương Thị D, sinh năm 1979 (là mẹ đẻ của anh V), ông H ủy quyền cho bà D. Cùng ĐKKHKT tại: thôn TN, xã LG, huyện VY, tỉnh YB. (Bà D vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt).

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Anh NQH, sinh năm 2002. ĐKKHKT: thôn TN, xã LG, huyện VY, tỉnh YB. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

NMH không giấy phép lái xe, MNT có giấy phép lái xe ô tô hạng B2 số 010199368371 có thời hạn đến 26/7/2029. Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 01/9/2023, sau khi uống rượu xong, NMH cùng BVV, NQH rủ nhau lên Từ Sơn, Bắc Ninh chơi. Trên đường đi, H điều khiển xe mô tô BKS 30H1-0044 của H chở Huy ngồi giữa, V ngồi sau cùng. Cả ba đi từ khu vực bến xe GL đến đường HHT, hướng sang Bắc Ninh với vận tốc khoảng 70 – 80 km/h. Đến khoảng 20 giờ 45 phút cùng ngày, H điều khiển xe mô tô đến đoạn giao với đường ĐX thì H quan sát thấy xe ô tô của MNT điều khiển trên đường HHT chiều Bắc Ninh – H đang chuyển hướng rẽ trái được $\frac{1}{2}$ đường HHT (chiều H – Bắc Ninh) với vận tốc khoảng 20 km/h, không có tín hiệu xin đường. Do lúc này, H đang điều khiển xe mô tô đi với tốc độ nhanh nên không kịp giảm tốc độ và MNT cũng không kịp dừng xe ô tô lại nên đã để xe mô tô do H điều khiển và xe ô tô do T điều khiển đâm va vào phía trước bên trái đầu xe ô tô của T và đầu tay lái bên trái xe mô tô của H dẫn đến tai nạn giao thông. Hậu quả anh BVV tử vong sau tại nạn, NQH và NMH bị thương tích nhẹ, các phương tiện liên quan bị hư hỏng nhẹ.

Kết quả kiểm tra nồng độ cồn:

Cơ quan điều tra đã cho MNT, NMH kiểm tra nồng độ cồn. Kết quả nồng độ cồn của T là 0,000 mg/l khí thở, của H là 163.0 mg/100ml máu (khoảng tham chiếu là 0 – 50.23).

Vật chứng thu giữ: 01 xe ô tô BKS 30F-040.44; 01 giấy phép lái xe ô tô hạng B2 số 818744 mang tên MNT; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 423500; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS số 818744; 01 Giấy chứng nhận kiểm định số 4208306 đều của xe ô tô BKS 30F-040.44; 01 đĩa CD bên trong có lưu trữ 01 đoạn video hình ảnh có thời lượng 05 phút 01 giây lưu lượng 700 MB thu giữ tại camera hành trình xe ô tô BKS 30F-040.44 thu giữ của MNT.

- 01 xe mô tô BKS 30H1-0044, 01 đăng ký mô tô, xe máy số 261234 của xe mô tô 30H1-0044 và 01 căn cước công D số 015204002802 mang tên NMH thu giữ của NMH.

- 01 đĩa CD lưu trữ dữ liệu 01 đoạn video được cắt ra từ đầu camera tại số nhà 519 HHT, YV, GL, H.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra xác định: Hiện trường nơi xảy ra tai nạn là đường HHT có lối rẽ vào đường ĐX thuộc địa phận xã YV, GL, H. Đường HHT rộng 12m00 được bố trí lưu thông hai chiều đường xe chạy, chiều ngã 5 Cầu Đuống đi Bắc Ninh rộng 6,5m, chiều Bắc Ninh đi ngã 5 cầu Đuống rộng 5,5m được trải nhựa phẳng, khô ngăn cách với nhau bằng vạch sơn đứt quãng màu trắng ở giữa. Đường ĐX rộng 6,0m có lối mở ra đường HHT và được trải nhựa phẳng, khô được bố trí lưu thông hai chiều xe chạy.

- Mốc hiện trường là cột đèn ký hiệu YV2B/21 ở bên phải đường HHT chiều ngã 5 cầu Đuống đi Bắc Ninh.

- Mép đường nơi xảy ra tai nạn làm chuẩn là mép bên phải đường HHT chiều Cầu Đuống đi Bắc Ninh.

+ Vị trí xe mô tô BKS: 30H1-0044 đổ nghiêng phải tại lề bên phải đường HHT theo chiều ngã 5 cầu Đuống đi Bắc Ninh, đầu xe chệch lề đường bên phải, đuôi xe chệch tâm đường. Đo trực trước xe mô tô vào mép đường làm chuẩn được -3m00, đo trực sau xe mô tô vào mép đường làm chuẩn được -1,8m.

+ Vị trí vết cày xước đứt quãng trên mặt đường dài 12m70; đầu vết cày trên trục đường HHT hướng ngã 5 cầu Đuống, đo đầu vết cày vào mép đường chuẩn được 0m50, điểm cuối vết cày là đầu bàn để chân trước bên phải xe mô tô BKS 30H1-0044.

+ Đo đầu vết cày (2) về hướng Bắc Ninh được 6m30 là tới ngang đầu vết cày xước mặt đường (3) dài 6m00. Điểm cuối vết cày là đầu tay lái bên phải xe mô tô BKS 30H1-00.44.

+ Đo từ đầu vết cày (3) về hướng Bắc Ninh được 2,8m là tới ngang tâm đầu nạn nhân nam giới mặc quần bò cộc màu đen, áo phông cộc tay màu trắng nằm nghiêng trái tại lề bên phải đường HHT theo chiều ngã 5 cầu Đuống đi Bắc Ninh. Đo tâm đầu nạn nhân vào mép đường làm chuẩn được 3,6m, đo tâm giữa hai gót chân nạn nhân vào mép đường làm chuẩn được 4,7m.

+ Đo từ đầu vết cày (2) về hướng ngã 5 cầu Đuống được 7,3m là tới ngang đầu vùng mảnh nhựa vỡ diện (18,3 x 6,4) m. Vùng mảnh nhựa vỡ tập T nhiều tại đường HHT chiều ngã 5 cầu Đuống đi Bắc Ninh đoạn lối rẽ vào đường ĐX.

+ Đầu vùng mảnh nhựa vỡ (5) trùng với trục sau (đầu trục) bên trái xe ô tô BKS 30F-040.44 đỗ trên đường ĐX, đầu xe hướng trường THPT YV đuôi xe hướng đường HHT. Đo tâm đầu trục trước bên trái xe ô tô ra mép đường làm chuẩn được 7,75m; đo tâm đầu trục sau bên trái xe ô tô ra mép đường làm chuẩn được 5,4m. Đo mép ngoài bánh lốp sau bên phải và bánh lốp trước bên phải vào

mép bên phải đường ĐX theo chiều đường HHT đi THPT YV lần lượt được 0,7m và 0,6m.

+ Đo từ đầu tâm trục sau bên phải xe ô tô BKS 30F-040.44 về hướng ngã 5 cầu Đuống 24,3m là tới vạch sơn giảm tốc độ trên đường HHT chiều ngã 5 cầu Đuống đi Bắc Ninh và có biển báo hiệu nguy hiểm “Đường hẹp mô các phương tiện chú ý giảm tốc độ” ở bên phải đường.

+ Đo từ đầu tâm trục sau bên phải xe ô tô 30F-040.44 về hướng ngã 5 cầu Đuống được 5,9m là tới ngang tâm mốc hiện trường.

Ngày 02/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện GL đã ra Quyết định trưng cầu giám định để xác định nguyên nhân chết của nạn nhân BVV tuy nhiên gia đình anh V kiên quyết từ chối mổ pháp y tử thi.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 1115/KLGĐTT-TTPY ngày 20/9/2023 của Trung tâm pháp y H kết luận, khám ngoài đối với nạn nhân BVV:

*** Kết quả khám nghiệm:**

- Các vết sây sát, bầm tím da do va chạm với vật tày với lực va chạm rất mạnh gây: Sây sát da vùng mang tai phải, Sây sát da cằm phải, Sây sát da mặt sau cánh tay phải và mạn sườn phải, Sây sát da vai trái, Sây sát da gối phải, Sây sát da mặt trước 1/3 trên cẳng chân phải, Sây sát da mặt sau khuỷu chân phải, Sây sát da mặt trước gối và cẳng chân trái, Rách da vùng gối trái, lộ đầu dưới xương đùi trái gãy.

*** Kết quả xét nghiệm, giám định khác:**

- Mẫu máu của nạn nhân BVV giám định: Có Ethanol, nồng độ 153,43mg Ethanol trong 100ml máu.

- Mẫu máu của nạn nhân BVV giám định: Không tìm thấy các chất ma túy Morphine, Codein, Cocaine, Amphetamine, Methamphetamine, Ketamine, MDA, MDMA, MDEA.

Tại Bản Kết luận giám định số 6675 ngày 02/10/2023 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận:

1) Dấu vết va chạm giữa xe ô tô biển số 30F-040.44 với xe mô tô biển số 30H1-0044, dấu vết va chạm đầu tiên ở hai phương tiện:

- Dấu vết biến dạng, vỡ nhựa, trượt xước, dính chất màu đen (dạng cao su) ở mặt ngoài bên trái phía dưới chắn đà trước xe ô tô biển số 30F-040.44 có chiều từ trước về sau (ảnh 4, 6 trong bản ảnh giám định), phù hợp với dấu vết biến dạng, trượt xước, mất cao su màu đen ở mặt trước đầu bàn đạp chân trước bên trái xe mô tô biển số 30H1-0044. Dấu vết va chạm ở xe mô tô tại vị trí này có chiều từ trước về sau (ảnh 5, 7 trong bản ảnh giám định).

- Dấu vết trượt xước, dính chất màu đen (dạng nhựa) ở mặt trên bên trái nắp máy đầu xe ô tô biển số 30F-040.44 và dấu vết hằn hình cung cong ở đầu xe bên trái xe ô tô này có chiều từ trước về sau (ảnh 4, 8 trong bản ảnh giám định), phù hợp với dấu vết trượt xước, mất nhựa màu đen ở mặt trước đầu tay lái bên trái xe

mô tô biển số 30H1-0044 và trượt mất kim loại ở tay lái bên trái xe mô tô này. Dấu vết va chạm ở xe mô tô tại vị trí này có chiều từ trước về sau (ảnh 5, 9 trong bản ảnh giám định).

- Không xác định được vị trí va chạm đầu tiên giữa xe ô tô biển số 30F-040.44 với xe mô tô biển số 30H1-0044.

2) Cơ chế hình thành dấu vết va chạm còn lại ở xe mô tô biển số 30F-040.44 và ở xe mô tô biển số 30H1-0044:

- Dấu vết trượt xước, dính chất màu trắng (dạng bột đá) ở mặt trước ốp nhựa bên phải đầu xe, đầu tay lái và tay phanh bên phải, đầu bàn đạp chân trước và bàn đạp chân sau bên phải, bên phải tay nâng sau xe mô tô biển số 30H1-0044 có chiều từ trước về sau. Các dấu vết này có đặc điểm giống đặc điểm của dấu vết hình thành do va chạm với mặt đường khi xe mô tô này đổ nằm nghiêng bên phải và trượt trên mặt đường (ảnh 10, 11, 12, 13 trong bản ảnh giám định).

- Các dấu vết còn lại ở xe ô tô biển số 30F-040.44 và ở xe mô tô biển số 30H1-0044 được ghi nhận trong “Biên bản khám phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông” của Công an huyện GL hiện tại không thể hiện rõ đặc điểm nên không đủ yếu tố giám định.

Đối với anh NQH, NMH bị thương tích trong vụ tai nạn, ngày 19/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện GL đã ra Quyết định trưng cầu giám định thương tích nhưng anh H1 và H có đơn xin từ chối giám định thương tích.

Tại bản Cáo trạng số 74/CT-VKSGL ngày 16/04/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện GL, thành phố H đã truy tố NMH về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a,b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; truy tố MNT về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Các bị cáo NMH và MNT khai nhận hành vi mà bị cáo đã thực hiện như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra, không thay đổi, bổ sung và không có đề nghị nào khác.

Người đại diện theo pháp luật của người bị hại vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GL sau khi tóm tắt nội dung sự việc, đánh giá lời khai của các bị cáo, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, và các tài liệu có trong hồ sơ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo như nội dung bản cáo trạng, trình bày lời luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 260; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo NMH với mức án tù 39 tháng đến 42 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo MNT với mức án tù 15 tháng đến 20 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng đến 40 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo MNT cho ủy ban nhân dân xã ĐX, huyện GL, thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự, các Điều 468, 584, 585, 586, 588, 589 Bộ luật dân sự xử lý về trách nhiệm dân sự như sau:

Bị cáo MNT đã bồi thường thiệt hại cho gia đình anh BVV số tiền 150.000.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của gia đình nạn nhân BVV là bà TTD (là mẹ đẻ anh V) không yêu cầu, đề nghị gì khác về trách nhiệm dân sự vì vậy đề nghị không xem xét giải quyết.

Bị cáo NMH đã bồi thường thiệt hại cho gia đình anh BVV số tiền 5.000.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của gia đình nạn nhân BVV là bà TTD yêu cầu H phải bồi thường thêm số tiền 50.000.000 đồng, H đồng ý với yêu cầu về bồi thường trên nhưng hiện H chưa có tiền để bồi thường. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử buộc NMH tiếp tục bồi thường cho gia đình anh BVV số tiền 50.000.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành có đơn đề nghị thi hành án, bị cáo H còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chậm trả.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Đề nghị trả lại cho cáo MNT giấy phép lái xe hạng B2 mang tên MNT được Sở giao thông vận tải cấp ngày 26/7/2019 hiện đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án tại BL số 103.

Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án đối với các vật chứng:

+ 01 đĩa CD bên trong có lưu trữ 01 đoạn video hình ảnh có thời lượng 05 phút 01 giây lưu lượng 700 MB thu giữ tại camera hành trình xe ô tô BKS 30F-040.44.

+ 01 đĩa CD lưu trữ dữ liệu 01 đoạn video được cắt ra từ đầu camera tại số nhà 519 HHT, YV, GL, H.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo NMH, bà Hồ Thúy Sen trình bày quan điểm nhất trí với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát về tội danh, về khung hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo học vấn thấp, tuổi còn trẻ nên thiếu hiểu biết về pháp luật cũng như kiến thức xã hội. Gia đình bị cáo NMH thuộc hộ cận nghèo, thuộc diện được trợ giúp pháp lý, bố mất sớm, mẹ bị cáo già yếu, bản thân bị cáo cũng đã cố gắng hỗ trợ bồi thường cho gia đình người bị hại 5.000.000 đồng, và đồng ý với yêu cầu của đại diện hợp pháp của người bị hại tiếp tục bồi thường thêm 50.000.000 đồng. Tuy số tiền đã bồi thường không lớn nhưng đánh giá bị cáo đã có ý thức bồi thường cho người bị hại. Đề nghị áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo hưởng mức án thấp hơn mức đề xuất của Viện kiểm sát. Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo H vì bị cáo thuộc hộ cận nghèo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo NMH đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Bị cáo MNT đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện GL, Thành phố H, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện GL, Thành phố H, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và giai đoạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử của Tòa án huyện GL, bị cáo, đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Các bị cáo tại ngoại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt hợp lệ, có mặt tại phiên tòa. Đại diện hợp pháp của người bị hại trong vụ án đã được tổng đạt hợp lệ, vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin được xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Về hành vi của các bị cáo:

[2.1] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của

người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, sơ đồ hiện trường, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 20 giờ 45 phút ngày 01/9/2023, bị cáo NMH điều khiển xe mô tô BKS 30H1-0044 trong tình trạng đã sử dụng rượu, bia, không có giấy phép lái xe mô tô, chở theo anh BVV và anh NQH không đội mũ bảo hiểm lưu thông trên đường HHT (chiều H đi Bắc Ninh) khi tới đoạn lồi rẽ vào đường ĐX thuộc địa phận xã YV, GL, H, H không chú ý quan sát, không chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ, không giảm tốc độ dẫn đến mặt trước đầu bàn đạp chân trước bên trái xe mô tô do H điều khiển va vào mặt ngoài bên trái dưới chắn đà trước xe ô tô BKS 30F-040.44 và mặt trước đầu tay lái bên trái xe mô tô do H điều khiển va vào mặt trên bên trái nắp máy đầu xe ô tô BKS 30F-040.44 do MNT đang điều khiển chuyển hướng từ đường HHT (chiều Bắc Ninh đi H) sang đường ĐX không bật tín hiệu báo hướng rẽ và không nhường đường cho các phương tiện đi ngược chiều. Hậu quả làm anh BVV ngồi sau xe mô tô do H điều khiển bị tử vong, bản thân bị cáo H và anh NQH bị thương nhẹ.

[2.2] Hành vi của bị cáo NMH đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Hành vi của bị cáo MNT đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.3] Bị cáo NMH và MNT đều đã thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông cũng như sức khỏe của công D được pháp luật bảo vệ; tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, vụ án này xảy ra xác định lỗi hoàn toàn là do các bị cáo. Do vậy, cần xét xử nghiêm minh nhằm giáo dục các bị cáo và góp phần phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về nhân thân của các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Khi lượng hình Hội đồng xét xử đã xem xét: Nhân thân của các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo MNT đã bồi thường toàn bộ số tiền theo yêu cầu của gia đình người bị hại, đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu giải quyết về

bồi thường dân sự đối với MNT. Bị cáo NMH có thấp hương cho người bị hại số tiền 5.000.000 đồng, người đại diện hợp pháp của người bị hại đã nhận số tiền này, đây thực chất cũng là tiền bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại, mặc dù chưa đúng với số tiền đại diện hợp pháp của người bị hại yêu cầu nhưng đánh giá bị cáo H có ý thức khắc phục hậu quả. Vì vậy, cả hai bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Mặt khác, người đại diện hợp pháp của người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, đây là tình tiết để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5]. Về áp dụng hình phạt đối với các bị cáo:

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đã viện dẫn. Thấy bị cáo NMH và MNT có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng.

Tuy nhiên, khi xác định lỗi và nguyên nhân của từng bị cáo dẫn đến vụ tai nạn giao thông làm anh BVV tử vong nhận thấy:

Đối với bị cáo NMH: Khi điều khiển xe mô tô không có giấy phép lái xe; chở quá số người quy định; không đội mũ bảo hiểm; trong máu có nồng độ Ethanol 163mg/100ml máu; không chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ (đoạn đường có biển báo hiểm đường mấp mô các phương tiện giảm tốc độ); lưu thông trên đường HHT (chiều H – Bắc Ninh) khi đến nơi giao nhau giữa đường HHT và đường ĐX đã không chú ý quan sát, không giảm tốc độ dẫn đến để xảy ra tai nạn với xe ô tô do MNT điều khiển. Hành vi của NMH vi phạm khoản 8, 9 Điều 8, khoản 1, 2 Điều 30 Luật giao thông đường bộ; khoản 1, khoản 3 Điều 5 Thông tư 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ Giao thông vận tải.

Đối với bị cáo MNT: Bị cáo T có lỗi khi điều khiển xe ô tô chuyển hướng từ đường HHT (chiều Bắc Ninh đi H) sang đường ĐX không bật tín hiệu báo hướng rẽ và không nhường đường cho các xe đi ngược chiều. Hành vi của bị cáo MNT vi phạm khoản 1, khoản 2 Điều 15 Luật giao thông đường bộ dẫn đến xảy ra tai nạn với xe mô tô do NMH điều khiển.

Vì vậy lỗi và nguyên nhân dẫn đến vụ tai nạn phần lớn thuộc về bị cáo NMH, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo H ra khỏi xã hội một thời gian như Viện kiểm sát đề xuất là phù hợp, nhằm đảm bảo việc cải tạo giáo dục bị cáo và công tác đấu tranh, phòng ngừa chung đối với toàn xã hội. Hành vi của bị cáo NMH bị truy tố theo điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự với khung hình phạt “từ 3 năm tù đến 10 năm tù”. Vì vậy, việc Viện kiểm sát nhân dân huyện GL đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo H từ 39 đến 42 tháng tù là hoàn toàn phù hợp, quan điểm của người bào chữa cho bị cáo đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp hơn mức Viện kiểm sát đề nghị là không có cơ sở nên không chấp nhận.

Xác định bị cáo MNT có một phần lỗi do bất cẩn không bật đèn tín hiệu chuyển hướng rẽ và không nhường đường cho các phương tiện đi ngược chiều để xảy ra tai nạn. Hành vi của MNT bị truy tố theo điểm a khoản 1 Điều 206 Bộ luật hình sự với khung hình phạt là “*phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm*”. Để thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước, nhận thấy không cần phải cách ly bị cáo MNT ra khỏi đời sống xã hội, chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giáo dục là đủ. Mặt khác, xét hoàn cảnh của bị cáo MNT hiện là lao động chính trong gia đình, con của bị cáo còn nhỏ (sinh năm 2023). Bị cáo có nơi cư trú ổn định. Căn cứ vào Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi bổ sung một số Điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/8/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo. Hội đồng xét xử thấy bị cáo MNT có đủ điều kiện được hưởng án treo, việc bị cáo hưởng án treo không gây nguy hại cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị tại địa phương.

Các bị cáo không hành nghề lái xe nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm D sự:

Bị cáo MNT đã bồi thường thiệt hại cho gia đình anh BVV số tiền 150.000.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của gia đình nạn nhân BVV là bà TTD (là mẹ đẻ anh V) không yêu cầu, đề nghị gì khác về trách nhiệm D sự vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bị cáo NMH đã bồi thường thiệt hại cho gia đình anh BVV số tiền 5.000.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của gia đình nạn nhân BVV là bà TTD yêu cầu H phải bồi thường thêm số tiền 50.000.000 đồng, H đồng ý với yêu cầu về bồi thường trên nhưng hiện H chưa có tiền để bồi thường. Vì vậy buộc NMH tiếp tục bồi thường cho gia đình anh BVV số tiền 50.000.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành có đơn đề nghị thi hành án, bị cáo H còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chậm trả.

[7]. Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho cáo MNT giấy phép lái xe hạng B2 mang tên MNT được Sở giao thông vận tải cấp ngày 26/7/2019 ngay tại phiên tòa theo biên bản giao nhận giữa Tòa án nhân dân huyện GL và bị cáo MNT ngày 10/5/2024 (BL số 103).

Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án đối với các vật chứng:

+ 01 đĩa CD bên trong có lưu trữ 01 đoạn video hình ảnh có thời lượng 05 phút 01 giây lưu lượng 700 MB thu giữ tại camera hành trình xe ô tô BKS 30F-040.44.

+ 01 đĩa CD lưu trữ dữ liệu 01 đoạn video được cắt ra từ đầu camera tại số nhà 519 HHT, YV, GL, H

[8]. Các vấn đề khác:

Đối với 01 xe ô tô BKS 30F-040.44; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 423500; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS số 818744; 01 Giấy chứng nhận kiểm định số 4208306 đều của xe ô tô BKS 30F-040.44, là tài sản của MNT. Ngày 20/10/2023, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả đồ vật, tài sản trên cho bị cáo T.

Đối với 01 xe mô tô BKS 30H1-0044, 01 đăng ký mô tô của xe mô tô 30H1-0044 và 01 căn cước công dân số 015204002802 mang tên NMH là tài sản của NMH. Ngày 02/4/2024, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả đồ vật, tài sản trên cho bị cáo H.

Việc Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả đồ vật, tài sản cho các bị cáo như đã nêu trên là đúng quy định của pháp luật. Bị cáo MNT và NMH không có yêu cầu, đề nghị gì về hư hỏng của xe ô tô và mô tô nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9]. Về án phí:

Bị cáo MNT phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo NMH do thuộc hộ cận nghèo và có đơn đề nghị được miễn án phí nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo H được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí D sơ thẩm.

[10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo NMH và MNT phạm tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

1. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Áp dụng các Điều 135, 136, 299, 326, 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Luật thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo NMH 39 (ba chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt thi hành án.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Áp dụng các Điều 135, 136, 299, 326, 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi bổ sung một số Điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/8/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân D Tối cao. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Luật thi hành án.

Xử phạt: bị cáo MNT 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 10/5/2024.

Giao bị cáo MNT cho UBND xã ĐX, huyện GL, thành phố H quản lý và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

3. Về Dân sự: Áp dụng Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự, các Điều 468, 584, 585, 586, 588, 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo NMH bồi thường cho gia đình nạn nhân BVV - Người đại diện hợp pháp của gia đình anh BVV là bà TTD số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật D sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật D sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng: *Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.*

Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án đối với các vật chứng:

+ 01 đĩa CD bên trong có lưu trữ 01 đoạn video hình ảnh có thời lượng 05 phút 01 giây lưu lượng 700 MB thu giữ tại camera hành trình xe ô tô BKS 30F-040.44 (BL 122).

+ 01 đĩa CD lưu trữ dữ liệu 01 đoạn video được cắt ra từ đầu camera tại số nhà 519 HHT, YV, GL, H (BL 114).

5. Về án phí:

Bị cáo MNT phải nộp số tiền 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo NMH được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo NMH, MNT có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần quyết định của bản án liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án D sự thì người được thi hành án D sự, người phải thi hành án D sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án D sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án D sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã/phường nơi bị cáo cư trú (thay Thông báo KQXX)
- VKSND huyện GL;
- Công an huyện GL
- TAND Thành phố H,
- VKSND TP H;
- Phòng quản lý hồ sơ nghiệp vụ Công An TP H;
- Chi Cục thi hành án D sự huyện GL
- Sở Tư Pháp thành phố H
- Lưu VP,THAHS,HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Ngọc